

Bản án số: 80/2020/DS-ST

Ngày: 18/9//2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Bình

2. Bà Đặng Thị Nhác

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Bách Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST-DS ngày 13/01/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXX-ST ngày 15/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn cầu.

Trụ sở: Số 109 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T - chức vụ: Phó phòng kinh doanh-chỉ nhánh Hà Nội.

Theo giấy ủy quyền số 31/2019/UQ-HNO ngày 28/11/2019

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ sinh năm 1977

KHTT: Nguyễn Văn Cừ, tổ 11, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1956

2. Ông Nguyễn Thế K sinh năm 1951

3. Cháu Nguyễn Ngọc Trang N sinh năm 2007. Cháu N do ông K và bà H đại diện.

Cùng trú tại: Nguyễn Văn Cừ, tổ 11, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị H có mặt.
Ông Nguyễn Hữu Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/7/2018 và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn cầu – ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ngày 11/10/2010, Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu – Sở giao dịch Hà Nội (Nay là Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu – Chi nhánh Hà Nội) và ông Nguyễn Hữu Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số: 0113/HĐTD/GPB-SGD/10 và Khế ước nhận nợ số 01.0113/HĐTD/GPB-SGD/10 để nhận nợ với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn). Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu tiên. Mục đích vay: Thanh toán nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Thôn Hải Bối, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội. Lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ: Lãi suất thỏa thuận là 16%/năm, Lãi suất cho vay tính trên cơ sở năm có 360 ngày. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần vào ngày 05, biên độ điều chỉnh lãi suất 4,5%/năm. Mức lãi suất áp dụng có thể thay đổi phù hợp với chính sách lãi suất của GPBank trong từng thời kỳ trên cơ sở thông báo của GPBank. Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ; Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng.

Đảm bảo cho khoản vay trên là tài sản của ông Nguyễn Hữu Đ, cụ thể là: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 78 Ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 11 Phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Ngọc Trang N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 515666, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: 717; số QĐ: 1690/QĐ – UB; MS: 10127655453 do UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Thúy Hạ, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Ngọc Trang N ngày 29/04/2010 tại Văn Phòng Đăng ký đất và nhà quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bên thứ ba vay vốn số công chứng: 005461/2010, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 03/06/2010 và phụ lục số 01 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bên thứ ba vay vốn số công chứng 005461/2010, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 11/10/2010 tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm (Nay là Văn Phòng Công chứng Nguyễn Dũng). Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 03/06/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo đúng quy định).

Trong quá trình giải quyết khoản vay, ông Đ mới T toán được một phần tiền lãi, mặc dù Ngân hàng đã rất Nều lần yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với GPBank. Trong quá trình làm việc, ông Đ đã đưa ra Nều lý do khác nhau, Nều lần cam kết T toán nợ nhưng đến nay không thực hiện và biểu hiện chây ỳ, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Tổng nghĩa vụ tài chính khách hàng phải thanh toán phát sinh từ khoản vay trên tạm tính đến ngày 20/12/2019 tại GPBank là: 13.245.674.181 VND (Bằng

chữ: Mười ba tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, một trăm tám mươi một đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc quá hạn: 4.000.000.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 49.513.016 đồng. Nợ lãi quá hạn: 9.196.161.165 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của Ngân hàng, Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Ông Nguyễn Hữu Đ thanh toán cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu toàn bộ số tiền cả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 0113/HĐTD/GPB-SGD/10 ngày 11/10/2010 và Khế ước nhận nợ số 01.0113/HĐTD/GPB-SGD/10 ngày 11/10/2010 tạm tính đến ngày 20/12/2019 là: 13.245.674.181 VND (Bằng chữ: Mười ba tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, một trăm tám mươi một đồng).

Buộc Ông Nguyễn Hữu Đ thanh toán cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu số tiền gốc, lãi, lãi phạt chậm trả phát sinh được xác định theo các điều khoản tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 20/12/2019 cho đến khi T toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên vay vốn không thực hiện nghĩa vụ T toán các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì GPBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để T toán nghĩa vụ trả nợ của bên vay vốn với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ không đến. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà: Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế K thống nhất trình bày: Anh Nguyễn Hữu Đ xây dựng gia đình với con gái tôi là Nguyễn Thị Thúy Hạ (cháu Hạ đã mất năm 2008) năm 2004. Vợ chồng cháu Hạ có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trang N sinh năm 2007. Sau khi cưới vợ chồng cháu Hạ ở cùng với vợ chồng tôi. Năm 2007 sau khi sinh con vợ chồng tôi có cắt cho cháu Hạ 77m² đất tại thửa đất số 254-1 tờ bản đồ số 4 thuộc phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Việc cho tặng đã hoàn tất và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cháu Nguyễn Thị Thúy Hạ. Sau khi được cho đất vợ chồng cháu Hạ xây nhà 3 tầng 1 tum và vợ chồng sống tại thửa đất mà vợ chồng tôi cho cháu Hạ. Vợ chồng tôi sống tại phần đất còn lại của gia đình tôi. Hai mảnh đất đã có ranh giới riêng.

Năm 2008 cháu Hạ không may qua đời nhà đất của cháu Hạ thì cháu Đ và con gái ở.

Việc vay mượn tiền bao Nều, thời gian nào và mục đích sử dụng như thế nào giữa anh Đ với Ngân hàng như thế nào tôi không hề biết. Tôi chỉ biết khoảng năm 2010 anh Đ có nói với tôi là có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng khoảng 800.000.000 đồng để đầu tư vốn sửa xe máy. Vì tin tưởng anh Đ lại thương cháu ngoại vẫn còn bé nên tôi cũng không hỏi Nều và đồng ý đến Ngân

hàng để ký hợp đồng thế chấp nhà đất của con gái tôi cho Ngân hàng để anh Đ lấy vốn. Việc ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc nhưng thực sự tôi không đọc nội dung, cán bộ Ngân hàng bảo tôi ký vào đâu thì tôi ký vào đấy. Sau khi ký xong thì tôi về không mang theo gì. Còn các việc sau đó giữa anh Đ với Ngân hàng như thế nào tôi không rõ. Nếu biết anh Đ vay nhiều tiền như vậy thì không bao giờ tôi đồng ý ký bảo lãnh cho anh Đ.

Việc thanh toán tiền nợ giữa anh Đ với Ngân hàng như thế nào tôi không rõ, anh Đ và con vẫn ở tại nhà đất đó được khoảng 01 năm thì cháu Đ bỏ đi không ở nhà nữa con gái thì tôi nuôi. Đến năm 2013 thì gia đình tôi thấy cán bộ Ngân hàng đến thông báo anh Đ không trả được nợ Ngân hàng lúc này tôi mới biết là anh Đ vay của Ngân hàng đến tiền tỷ cụ thể gốc là bao nhiêu thì tôi không biết nhưng cả gốc là lãi là hơn 5 tỷ đồng. Ngân hàng có nói không liên lạc được với anh Đ nên mới đến gặp tôi vì tôi cũng là người liên quan đến hợp đồng thế chấp. Gia đình tôi có đến làm việc với Ngân hàng với thiện chí đề nghị Ngân hàng khoan nợ tránh việc lãi suất tăng nhanh. Gia đình tôi đề nghị chấp nhận trả gốc và xin miễn xóa toàn bộ lãi vì trên thực tế anh Đ là người vay và sử dụng tiền vay nhưng đã bỏ đi đâu không ai biết. Phía Ngân hàng có ý kiến sẽ trình lên trên ý kiến nguyện vọng của gia đình tôi nhưng gia đình tôi không nhận được kết quả đồng ý hay không đồng ý của Ngân hàng. Và cũng từ năm 2013 tôi và Ngân hàng không liên lạc lại.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tôi chỉ mong Ngân hàng và Tòa án xem xét giải quyết bảo vệ quyền lợi cho tôi và cháu Nguyễn Ngọc Trang N là con anh Đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần tiền lãi phạt quá hạn là 124,567,917 đồng. Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 18/9/2020 là 13.972.968.571 đồng, trong đó: nợ gốc là: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 49,513,016 đồng và nợ lãi quá hạn là: 9,923,455,556 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu không đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp. Yêu cầu tiếp tục tính lãi.

Ông K và bà H trình bày: Việc ngân hàng giải ngân cho ông Đ vay với số tiền như vậy là quá lớn trong khi ông Đ không có khả năng trả nợ. Gia đình đã nhiều lần đi tìm anh Đ về giải quyết nợ với ngân hàng nhưng không được. Gia đình tôi có đến gặp ngân hàng năm 2017 để tìm hướng giải quyết nhưng không đạt được kết quả. Không đồng ý kê biên phát mại tài sản. Chỉ đồng ý giải quyết khi nào anh Đ về.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành không tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa xác định: Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến nợ quá hạn, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ là có căn cứ. Đối với số tiền nợ lãi quá hạn ngân hàng yêu cầu chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận một phần lãi quá hạn. Việc ngân hàng rút không yêu cầu lãi phạt chậm trả là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu nợ gốc và lãi trong hạn. Buộc ông Nguyễn Hữu Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 18/9/2020 là: 11.080.930.933 đồng. Trong đó: nợ gốc là: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 49.513.016 đồng và nợ lãi quá hạn là: 6.906.850.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu không đề nghị kê biên phát mãi tài sản thế chấp. Yêu cầu tiếp tục tính lãi.

Chấp nhận yêu cầu rút tiền phạt chậm trả của Ngân hàng. Đình chỉ yêu cầu này của Ngân hàng.

Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

* Về tố tụng: Ngân hàng TMTNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Hữu Đ. Công an phường Gia Thụy xác nhận tháng 12/2019 ông Nguyễn Hữu Đ có HKTT tại tổ 13 phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2020 Công an phường Gia Thụy cung cấp hiện ông Nguyễn Hữu Đ không có HKTT tại đại phương. Thời gian chuyển đi và chuyển đi đâu Công an không nắm được. Tại biên bản xác minh tại xã Tống Phan huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, công an xã cung cấp: Hiện ông Nguyễn Hữu Đ không có HKTT tại địa phương và đã chuyển khẩu đi từ rất lâu. Căn cứ vào khoản 3, điều 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 04/2017 ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu Đ là bị đơn. Bà Nguyễn Thị H và cháu Nguyễn Ngọc Trang N là người có tài sản thế chấp và cùng ông Nguyễn Thế K đang ở trên nhà đất thế chấp là đương sự trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cháu N chưa đủ 18 tuổi, ông Đ và bà nội không biết hiện đang ở đâu, hiện cháu N đang sống cùng với ông bà ngoại do vậy ông K và bà H là người đại diện cho cháu N. Ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ.

* Về nội dung:

Xét đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 11/10/2010, Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu – Sở giao

dịch Hà Nội (Nay là Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu – Chi nhánh Hà Nội) và ông Nguyễn Hữu Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số: 0113/HĐTD/GPB-SGD/10 và Khế ước nhận nợ số 01.0113/HĐTD/GPB-SGD/10 để nhận nợ với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn). Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Thôn Hải Bối, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội. Lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ: Lãi suất thỏa thuận là 16%/năm, Lãi suất cho vay tính trên cơ sở năm có 360 ngày. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần vào ngày 05, biên độ điều chỉnh lãi suất 4,5%/năm. Mức lãi suất áp dụng có thể thay đổi phù hợp với chính sách lãi suất của GPBank trong từng thời kỳ trên cơ sở thông báo của GPBank. Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ; Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng.

Đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 78 Ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 11 Phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Ngọc Trang N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 515666, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: 717; số QĐ: 1690/QĐ – UB; MS: 10127655453 do UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Thúy Hạ, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Ngọc Trang N ngày 29/04/2010 tại Văn Phòng Đăng ký đất và nhà quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bên thứ ba vay vốn số công chứng: 005461/2010, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 03/06/2010 và phụ lục số 01 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bên thứ ba vay vốn số công chứng 005461/2010, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 11/10/2010 tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm (Nay là Văn Phòng Công chứng Nguyễn Dũng). Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 03/06/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Về nợ gốc: Ngân hàng trình bày ông Đ chưa trả được một đồng tiền gốc nào. Phía bị đơn không đến tòa. Xét các tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình có đủ cơ sở buộc Ông Nguyễn Hữu Đ phải trả Ngân hàng TMTNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu 4.000.000.000 đồng tiền gốc.

Về lãi suất: Phía nguyên đơn trình bày tính đến 15/9/2011 ông Đ mới trả được 49.176.130 đồng tiền lãi và cũng từ đó đã vi phạm nghĩa vụ không trả thêm một đồng tiền lãi nào. Ngân hàng yêu cầu lãi suất tính đến 18/9/2020 là: lãi trong hạn 49.513.016 đồng; lãi suất quá hạn: 9,923,455,556 đồng. lãi phạt là 124,567,917 đồng. (có bảng tính lãi kèm theo)

Khoản 2, Điều 9 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng...”

Như vậy giữa bên cho vay và bên vay đã thỏa thuận lãi suất trong khế ước nhận nợ là 16%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết.

Về lãi suất trong hạn và quá hạn: Phía ngân hàng đã cung cấp văn bản điều chỉnh lãi suất của GPBank từ năm 2011 đến này.

Thời hạn vay trong hợp đồng tín dụng giữa ông Đ với Ngân hàng có thời hạn là 12 tháng. Do đó xác định đây là khoản vay ngắn hạn.

Tại khế ước nhận nợ đều thể hiện: Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 01 tháng một lần vào ngày 05, biên độ điều chỉnh lãi suất 4,5%/năm.

Theo quy định tại thông tư số 08/2012 ngày 10/4/2012 của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất tối đa đối với lãi suất tiền gửi từ 1 tháng trở lên là 12%/năm.

Theo quy định tại thông tư số 14/2012 ngày 04/5/2012 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa = lãi suất cho vay tối đa + 3%/ năm.

Theo quy định tại thông tư số 20/2012 ngày 08/6/2012 của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 13%/năm.

Theo quy định tại thông tư số 33/2012 ngày 21/12/2012 của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt nam tối đa là 12%/năm.

Theo quy định tại thông tư số 09/2013 ngày 25/3/2013 của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt nam tối đa là 11%/năm.

Theo quy định tại thông tư số 10/2013 ngày 10/5/2013 của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt nam tối đa là 10%/năm.

Theo quy định tại thông tư số 16/2013 ngày 27/6/2013 của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt nam tối đa là 9%/năm.

Theo quy định tại thông tư số 08/2014 ngày 17/3/2014 của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt nam tối đa là 8%/năm và 7%/năm (Quyết định số 499 ngày 17/3/2014 và QĐ số 2174 ngày 28/10/2014).

Theo quy định tại thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định thì tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nhưng không vượt quá trong từng thời kỳ. Theo Quyết định số 277 ngày 03/3/2017 lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt nam tối đa là 7%/năm. Theo Quyết định số 1425 ngày 07/7/2014 lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt nam tối đa là 6.5%/năm.

Như vậy lãi suất quá hạn phía ngân hàng yêu cầu quá cao không điều chỉnh lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước. Do vậy chỉ chấp nhận lãi suất quá hạn được tính điều chỉnh như sau: Lãi suất điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng nhà nước + biên độ x 150%. Lãi quá hạn được điều chỉnh: Nợ gốc x lãi quá hạn : 12 tháng : 30 ngày x số ngày vi phạm. Cụ thể như sau:

Từ ngày 11/10/2011 đến trước ngày 08/5/2012 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 27,74\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 210 \text{ ngày} = 647.266.667 \text{ đồng.}$

Từ ngày 08/5/2012 đến trước ngày 28/5/2012 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 27,00\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 20 \text{ ngày} = 60.000.000 \text{ đồng.}$

Từ ngày 28/5/2012 đến trước ngày 11/6/2012 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 25,50\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 39.666.667 \text{ đồng.}$

Từ ngày 11/6/2012 đến trước ngày 24/12/2012 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 24,00\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 196 \text{ ngày} = 522.666.667 \text{ đồng.}$

Từ ngày 24/12/2012 đến trước ngày 26/3/2013 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 22,50\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 92 \text{ ngày} = 230.0000.000 \text{ đồng.}$

Từ ngày 26/3/2013 đến trước ngày 13/5/2013 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 21,00\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 48 \text{ ngày} = 112.000.000 \text{ đồng.}$

Từ ngày 13/5/2013 đến trước ngày 28/6/2013 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 19,50\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 46 \text{ ngày} = 99.666.667 \text{ đồng.}$

Từ ngày 28/6/2013 đến trước ngày 18/3/2014 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 18,00\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 263 \text{ ngày} = 526.000.000 \text{ đồng.}$

Từ ngày 18/3/2014 đến trước ngày 29/10/2014 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 16,50\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 225 \text{ ngày} = 412.500.000 \text{ đồng.}$

Từ ngày 29/10/2014 đến trước ngày 10/7/2017 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 15,00\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 985 \text{ ngày} = 1.641.666.667 \text{ đồng.}$

Từ ngày 10/7/2017 đến nay 18/9/2020 lãi suất quá hạn được tính:
 $4.000.000.000 \times 14,25\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 1169 \text{ ngày} = 1.850.916.667 \text{ đồng.}$

Như vậy tổng cộng lãi suất quá hạn tính đến ngày 18/9/2020 là:
6.142.350.000 đồng.

Về lãi phạt chậm trả: Tại phiên tòa phía ngân hàng không yêu cầu phạt chậm trả là : 124.567.556 đồng. Việc rút một phần yêu cầu về lãi phạt chậm trả của Ngân hàng là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Xét Hợp đồng tín dụng số: 0113/HĐTD/GPB-SGD/10 ngày 11/10/2010 và Khế ước nhận nợ số 01.0113/HĐTD/GPB-SGD/10 ngày 11/10/2010 giữa Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu và Ông Nguyễn Hữu Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Lãi suất cho vay đã được các bên thỏa thuận, nguyên đơn đã cung cấp bản kê thanh toán gốc và lãi của bị đơn đã đủ căn cứ khẳng định toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên là đúng. Ngoài ra hợp đồng tín dụng và các kế ước nêu trên còn quy định về quyền trách Nệm, nghĩa vụ của các bên và Nêu nội dung khác. Hợp đồng tín dụng và khế ước nêu trên có nội dung và các điều khoản quy định cụ thể, rõ ràng. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đúng với phạm vi ngành nghề kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ có hiệu lực pháp luật và các bên buộc phải thực hiện.

Từ những phân tích nhận định trên thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Hữu Đ phải thanh toán trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu tổng cộng là: 10.191.863.016 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 4.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 49.513.016 đồng. Tiền lãi quá hạn là: 6.142.350.000 đồng.

Không chấp nhận 1 phần lãi quá hạn của ngân hàng là: 3.781.105.556 đồng

Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai nơi có tài sản thế chấp. Như vậy hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn đã được đăng ký theo đúng quy định của pháp luật, các bên phải thực hiện. Do đó trong trường hợp ông Nguyễn Hữu Đ không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với một phần lãi quá quá không được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 147, điều 227, điều 235, điều 264, điều 266, điều 271, điều 273, điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 342, 343, 361, 369, 471, 474, của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 12 Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Khoản 3 Điều 90, khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Án lệ số 11/2017/AL; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 sửa đổi một số điều của nghị định số 163; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ngân hàng không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ thanh toán tiền lãi phạt chậm trả là: 124.567.556 đồng.

3: Xác nhận: Tính đến ngày 18/9/2020 Ông Nguyễn Hữu Đ còn nợ Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu tổng số tiền là: 10.191.863.016 đồng tại Hợp đồng tín dụng số: 0113/HĐTD/GPB-SGD/10 ngày 11/10/2010 và Khế ước nhận nợ số 01.0113/HĐTD/GPB-SGD/10 ngày 11/10/2010. Trong đó: Tiền gốc là 4.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 49.513.016 đồng. Tiền lãi quá hạn là: 6.142.350.000 đồng.

3.1: Buộc Ông Nguyễn Hữu Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu toàn bộ khoản nợ trên. Kể từ ngày 19/9/2020, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi T toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2: Trong trường hợp Ông Nguyễn Hữu Đ không trả được nợ cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 78 Ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 11 Phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của

bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Ngọc Trang N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 515666, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: 717; số QĐ: 1690/QĐ – UB; MS: 10127655453 do UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Thúy Hạ, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Ngọc Trang N ngày 29/04/2010 tại Văn Phòng Đăng ký đất và nhà quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bên thứ ba vay vốn số công chứng: 005461/2010, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 03/06/2010 và phụ lục số 01 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bên thứ ba vay vốn số công chứng 005461/2010, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 11/10/2010 tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm (Nay là Văn Phòng Công chứng Nguyễn Dũng)

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu Đ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Đ phải chịu 118.191.863 đồng tiền án phí DSST sơ thẩm. Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu phải chịu 107.622.111 đồng tiền án phí do yêu cầu không được chấp nhận. Ngân hàng đã nộp 60.563.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0015880 ngày 06/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay còn phải nộp tiếp 47.059.111 đồng.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi gửi:

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Nga